

Tổng cục thống kê
Vụ dân số-Lao động

Hà Nội, ngày tháng năm 2009

**MỘT SỐ NGUYÊN TẮC HIỆU ĐÍNH PHIẾU TỔNG ĐIỀU TRA
 DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009**

(Dự thảo)

Tiêu thức/ Câu hỏi cần kiểm tra	Giá trị chấp nhận/ Cách kiểm tra	Hiệu đính khi sai
<i>Phần định danh của phiếu điều tra</i>		
Mã tỉnh/ thành phố	Mã phải trùng với mã tỉnh/ thành phố trong danh mục hành chính mới (63 tỉnh/thành phố)	Kiểm tra lại phiếu để sửa theo phiếu gốc.
Mã huyện/ quận/thị xã/ thành phố thuộc tỉnh	Mã phải trùng với mã huyện/ quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh (trong tài liệu này từ đây về sau gọi là huyện) trong danh mục hành chính mới	Kiểm tra lại phiếu để sửa theo phiếu gốc.
Mã xã/ phường/ thị trấn	Mã phải trùng với mã xã/ phường/thị trấn (trong tài liệu này từ đây về sau gọi là xã) trong danh mục hành chính mới	Kiểm tra lại phiếu để sửa theo phiếu gốc.
Địa bàn điều tra số	Mã địa bàn điều tra dân số của một xã có giá trị tự nhiên < 899 được đánh số liên tục và là duy nhất. Mã địa bàn điều tra dân số đặc thù là số tự nhiên có ba chữ số và bắt đầu bằng số 9, có giá trị tự nhiên < 999, được đánh số liên tục bắt đầu từ 901 và là duy nhất.	Trong trường hợp một xã có hơn một địa bàn có cùng một số thứ tự, kiểm tra phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được thì trao đổi với Vụ DS-LĐ. Tài liệu tham khảo: Cơ sở dữ liệu địa bàn điều tra của 63 tỉnh, thành phố.
Thành thị/ nông thôn	Mã thành thị = 1, nông thôn = 2	Kiểm tra lại phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được thì trao đổi với Vụ DS-LĐ.

Hộ số	Trong một địa bàn, số thứ tự hộ là số tự nhiên và duy nhất	Nếu có nhiều hơn một hộ có cùng một số thứ tự hộ, thì kể từ hộ thứ hai trở đi, sửa <STT hộ mới> = <STT hộ lớn nhất cũ của địa bàn > + 1
Số nhân khẩu thực tế thường trú trong tập phiếu này	Là số có thể dùng để kiểm tra với số người trong tập phiếu	Nếu sai, sửa theo số người thực tế có trong tập phiếu
Số nam	Là số có thể dùng để kiểm tra với số người là nam trong tập phiếu.	Nếu sai, sửa theo số người là nam (có P3 =1) ¹ thực tế có trong tập phiếu
Số nữ	Là số có thể dùng để kiểm tra với số người là nữ trong tập phiếu	Nếu sai, sửa theo số người là nữ (có P3 =2) thực tế có trong tập phiếu
Phần 1		
P2 (Quan hệ với chủ hộ)	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6	Khác giá trị chấp nhận, sửa thành P2=6
	Người thứ nhất của hộ P2=1	Nếu có nhiều hơn một người có P2=1, chấp nhận người thứ nhất, sửa P2 của (những) người khác =6.
P3 (Giới tính)	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận hoặc cả hai mã được gạch chéo hoặc không mã nào được gạch chéo, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. (Có thể sử dụng thông tin ở phần định danh như số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam, số nữ để xác định giới tính của người đó và lựa chọn cách sửa; và có thể căn cứ vào họ và tên: Tên đệm “văn” thường là nam; Tên đệm “thị” thường là nữ).
		<i>Trong trường hợp không thể sửa được: để giai đoạn cuối cùng sửa tự động một nam, một nữ.</i>
P4T (Tháng sinh)	Giá trị chấp nhận: 01/02/.../12/98	Nếu P4T □ 01/02/.../12/98 xem phiếu gốc để sửa, nếu không sửa được, hiệu chỉnh theo ưu tiên sau: i). Nếu P4N=2009, sửa P4T=01; ii). Sửa tự động: nhóm 4 người, P4T của 1 người=01, của 3 người khác=07.
	<i>Nếu P4N=2009, thì P4T chỉ có thể =01/02/03</i>	<i>Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu phiếu gốc không ghi thì sửa tự động: P4T =01.</i>

P4N (Năm sinh)	Giá trị chấp nhận: 1870-2009	Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được thì trao đổi với Vụ DS-LĐ.
P5	Chỉ phải ghi tuổi cho những người mà ĐTV không ghi được năm sinh ở P4. Tuổi có giá trị tự nhiên ≤ 95 Giá trị chấp nhận: 1/2	Nếu bỏ trống thì trao đổi với Vụ DS-LĐ. Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa.
P6	Nếu P6=2 thì: sử dụng các mã dân tộc trong Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam.	Mã dân tộc khác giá trị chấp nhận trong danh mục, xem phiếu để sửa theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã [□] (trang 26).
P7	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa. Nếu không sửa được, P7= “Không xác định”.
	Nếu P7=1 thì: sử dụng các mã tôn giáo trong Danh mục tôn giáo Việt Nam. Mã tôn giáo gồm 2 chữ số: 01,02,..., 12,13 ³ .	Mã tôn giáo khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 27).

Các tiêu thức từ P9 đến P16 chỉ kiểm tra cho những người từ 5 tuổi trở lên (sinh trước 4/2004)

P9	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 28, 29).
	Nếu P9=3 hoặc =4 thì: sử dụng các mã đơn vị hành chính trong Danh mục các đơn vị hành chính	Mã đơn vị hành chính khác giá trị chấp nhận (trong danh mục hành chính), xem phiếu để kiểm tra để sửa theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 28,29).

Tiêu thức P10 chỉ kiểm tra cho những người có P9 =2 hoặc =3 hoặc =4

P10	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được thì: sửa P10=2 (nông thôn).
P11a	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 31).

P11b	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 31).
P11c	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 31).
P11d	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 31).
P12	Giá trị chấp nhận: 1/2/3	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo thông tin ghi trên phiếu. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 32).
<i>Các tiêu thức từ P13, P14, P15 chỉ kiểm tra P12=1 hoặc P12=2</i>		
P13	Giá trị chấp nhận: 01/02/...../11	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 33).
P14	Giá trị chấp nhận lớp phổ thông, năm thứ: 00/01/...../12	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 34, 35).
<i>Chỉ kiểm tra P16 khi P13=1 hoặc P12=3</i>		
P16	Giá trị chấp nhận: 1/2.	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 36).
<i>Các tiêu thức P18 đến P30, chỉ kiểm tra cho những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước 4/1994)</i>		
P18	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì P18= “Không xác định”.
P19	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6/7/8/9	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được thì P19= “Không xác định”.
P20	Giá trị chấp nhận: 1/2/3	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 38, 39).

P21	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 39).
P22	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 39).
<i>Chỉ kiểm tra câu P23, P24, P25 và P27 cho những người có P20=1 hoặc P21=1 hoặc P22=1</i>		
P23	Giá trị chấp nhận: Các mã cấp 3 có ba số trong Danh mục nghề nghiệp	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được, thì P23= “Không xác định”.
P24	Giá trị chấp nhận: 1/2/3	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì P24= “Không xác định”.
P25	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì sửa theo thứ tự ưu tiên sau: i). P26 và P27 không có thông tin thì P25=1; ii). P26 không có thông tin thì P25=2; ii). Các trường hợp khác: sửa P25= “Không xác định”
P27	Giá trị chấp nhận: Các mã cấp 3 có 3 số theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007.	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được, thì P27= “Không xác định”.
<i>Chỉ kiểm tra câu P28 cho những người có P22=2</i>		
P28	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì P28= “Không xác định”.
<i>Chỉ kiểm tra câu P29 cho những người có P28=1</i>		
P29	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì P29= “Không xác định”.

<i>Chỉ kiểm tra câu P30 cho những người có P28=2</i>		
P30	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6/7/8	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc, nếu không sửa được thì P30= “Không xác định”.
<i>Các tiêu thức P32 đến P34b, chỉ kiểm tra cho phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi</i>		
P32	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: Xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 48, 49).
P33a	$00 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 14	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P33b	$00 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 14	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P33c	$00 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 14	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P34aT	Giá trị chấp nhận: 01/02/.../12/98	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P34aN	$1971 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 2009 Nếu P34aN=2009, thì P34aT chỉ có thể là 01/02/03	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P34bTRAI	$0 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 4	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.
P34bGAI	$0 \leq$ Giá trị chấp nhận ≤ 4	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc.

Phần 2

Chỉ kiểm tra khi hộ có người chết (Phần 2 có thông tin)

P35	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, sửa: i). Các P37 đến P40 có thông tin hợp lệ, thì P35=1; ii). Các P37 đến P40 không có thông tin, thì P35=2.
P37	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Có thể căn cứ vào họ và tên: Tên đệm “văn” thường là nam; Tên đệm “thị” thường là nữ. <i>Trong trường hợp không thể sửa được: để giai đoạn cuối cùng sửa tự động: một nam, một nữ.</i>
P38T	Giá trị chấp nhận: 01/02/.../12/98	Nếu $P38T \leq 01/02/.../12/98$, xem phiếu gốc để sửa. Nếu không sửa được, thì để giai đoạn cuối hiệu chỉnh như sau: i). $P38N=2$: $P38T=1$. ii). $P38N=1$: hiệu chỉnh tự động: tập 4 người chết: $P38T$ của một người =1, của 3 người còn lại = 6.
P38N	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, thì để giai đoạn cuối hiệu chỉnh như sau: i). $P38T \geq 4$: $P38N=1$; ii). $P38T \leq 3$: $P38N=2$.
P39	Giá trị chấp nhận: $95 \geq P60 \geq 00$	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, $P39=$ “Không xác định”

P40	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P40= “Không xác định”
<i>Chỉ kiểm tra câu P42 cho những người chết là nữ (P37=2) khi chết 15-49 tuổi (P39) và P40=1 hoặc P40=5</i>		
P42	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P42= “Không xác định”

Phần 3		
P43	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, sửa: i). Các P44 đến P52 có thông tin hợp lệ: thì P43=1; ii). Các P44 đến P52 không có thông tin thì P43 = 2.
P44	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận, xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không sửa được, xử lý theo hướng dẫn trong Sổ tay ghi mã (trang 56).
P45	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P38= “Không xác định”
P46a	Giá trị chấp nhận: 01/02.../95	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P46a= “Không xác định”
P46b	Giá trị chấp nhận: 01/02.../95	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P46b= “Không xác định”
	P46b có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng P46a	Nếu sai, P46b=P46a
P47	Giá trị chấp nhận: 001/002/.../995	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P47= “Không xác định”

P48	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P48= “Không xác định”
P49	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P49= “Không xác định”
P50	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P50= “Không xác định”
P51	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P51= “Không xác định”
P51N	Nếu P51=3: Giá trị chấp nhận của P51N: 0/1/2/3/4/5/6/7/8/9	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P51= “Không xác định”
P52	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6/7	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P52= “Không xác định”
P53	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P53= “Không xác định”
P54	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6/7	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P54= “Không xác định”
P55	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4/5/6/7/8/9	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P55= “Không xác định”
P56	Giá trị chấp nhận: 1/2/3/4	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P56= “Không xác định”
P57a	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57a= “Không xác định”

P57b	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57b= “Không xác định”
P57c	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57c= “Không xác định”
P57d	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57d= “Không xác định”
P57e	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57e= “Không xác định”
P57f	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57f= “Không xác định”
P57g	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57g= “Không xác định”
P57h	Giá trị chấp nhận: 1/2	Khác giá trị chấp nhận: xem phiếu để sửa theo phiếu gốc. Nếu không, P57h= “Không xác định”

- Chú thích:
- Ký hiệu “/” trong bản quy định này thay cho “hoặc”.
 - Giá trị “Không xác định” là tùy thuộc vào phần mềm sử dụng.

Vụ TK Dân số và Lao động

-
- 1 Trong tài liệu này từ đây về sau: “P_i” để chỉ Câu hỏi thứ “i”; hoặc P_{iT}/P_{iN} để chỉ Câu hỏi i Tháng/Câu hỏi i Năm.
 - 2 Các hướng dẫn hiệu đính thông tin trình bày chi tiết trong “Sổ tay ghi mã” đối với từng câu hỏi.
 - 3 Bổ sung mã “13” cho tôn giáo “Bà La Môn”